

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP SƠN ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **01/2026/BCTN-SDN**

Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quý vị Cổ đông Công ty.

I- THÔNG TIN CHUNG:

1/- Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600451024 thay đổi lần thứ 13, ngày 17/10/2025 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp.
- Vốn điều lệ: 30.364.360.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.364.360.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 6, KCN Hồ Nai, P. Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai.
- Địa chỉ nhà máy sản xuất: Số 13, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. Trán Biên, T. Đồng Nai.
- Số điện thoại: 02513.931.355
- Số fax: 02513.836.091
- Website: www.dongnaipaint.com.vn
- Mã cổ phiếu: SDN
- Nhà máy sản xuất hợp tác với Công ty TNHH PPG Việt Nam tại KCN AMATA: Đường số 5, KCN AMATA, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai.
- Biểu tượng:



- Slogan: Nâng Tầm Giá Trị
- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Việc thành lập: Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai nguyên là Nhà máy Sơn Đồng Nai được thành lập năm 1987, trước đây là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai (Nay là Sở Công thương). Doanh nghiệp chuyển sang loại hình Công

ty Cổ Phần theo Quyết định số 4636/QĐ-UBT ngày 01 tháng 03 năm 2000 của UBND Tỉnh Đồng Nai.

+ Quá trình niêm yết cổ phiếu: Công ty được UBCK Nhà Nước cấp giấy phép số: 106/UBCK-GPNY ngày 08/12/2006 với các nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã Chứng khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.140.000 cổ phiếu (Một triệu một trăm bốn mươi ngàn cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 11.400.000.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).

Ngày niêm yết có hiệu lực: 08/12/2006

Ngày chính thức giao dịch: 25/12/2006

+ Ngày 16 tháng 09 năm 2008, được Sở GDCK TP HCM có Quyết định chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số Cổ phiếu phát hành thêm với nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã chứng Khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng

Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 209.641 cổ phiếu (Hai trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bốn một cổ phiếu)

Giá trị niêm yết bổ sung: 2.096.410.000đ (Hai tỷ không trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn).

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.349.641 cổ phiếu (Một triệu ba trăm bốn chín ngàn sáu trăm bốn một cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 13.496.410 đ (Mười ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn).

+ Ngày 14 tháng 09 năm 2010, Công ty được niêm yết bổ sung số Cổ phiếu phát hành thêm với nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã chứng Khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng

Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 168.577 cổ phiếu (Một trăm sáu tám ngàn năm trăm bảy mươi bảy cổ phiếu).

Giá trị niêm yết bổ sung: 1.685.770.000 đồng (Một tỉ sáu trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.518.218 cổ phiếu (Một triệu năm trăm mười tám ngàn hai trăm mười tám cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 15.182.180 đ (Mười lăm tỉ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

+ Ngày 16 tháng 10 năm 2023, được Sở GDCK Hà Nội có Quyết định chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung Cổ phiếu với nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã chứng Khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng.

Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 1.518.218 cổ phiếu (Một triệu năm trăm mười tám ngàn hai trăm mười tám cổ phiếu).

Giá trị niêm yết bổ sung: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỉ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 3.036.436 cổ phiếu (Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi sáu cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 30.364.360.000 đ (Ba mươi tỉ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

- Các sự kiện khác:

+ Ngày 01 tháng 03 năm 2000, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Vốn điều lệ: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

+ Ngày 18 tháng 09 năm 2002, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1. Vốn điều lệ: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

+ Ngày 19 tháng 05 năm 2005, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2. Vốn điều lệ: 11.400.000.000đ (Mười một tỷ bốn trăm triệu đồng)

+ Ngày 22 tháng 09 năm 2008, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3. Vốn điều lệ: 13.496.410.000 đồng (Mười ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng)

+ Ngày 14 tháng 09 năm 2010 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 28 tháng 12 năm 2012 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 5 tháng 4 năm 2013 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 16 tháng 05 năm 2014 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 30 tháng 08 năm 2016 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 17 tháng 04 năm 2020 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 11 tháng 04 năm 2023 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 23 tháng 10 năm 2023 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11. Vốn điều lệ: 30.364.360.000 đồng (Ba mươi tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

+ Ngày 21 tháng 8 năm 2025, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12. Vốn điều lệ: 30.364.360.000 đồng (Ba mươi tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

+ Ngày 17 tháng 10 năm 2025, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13. Vốn điều lệ: 30.364.360.000 đồng (Ba mươi tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

2/- Ngành, nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:

- Ngành, nghề kinh doanh chính:

Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít: Sản xuất sơn; Sản xuất ma tít (bột trét tường)

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sơn.

Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất keo

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn keo, xuất nhập khẩu nguyên liệu và sản phẩm liên quan tới sơn và keo. Bán buôn ma tít (bột trét tường).

- Địa bàn kinh doanh chính:

Đông Nam Bộ (Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh..)

Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (Đắc Lắc, Lâm Đồng, Khánh Hòa.....)

Tây Nam Bộ (Đồng Tháp, Cần Thơ...)

Công ty đang thực hiện việc sản xuất gia công các sản phẩm sơn cho các đối tác là Tập đoàn PPG (HOA KỲ). Sơn được sử dụng cho các công trình, thiết bị có yêu cầu kỹ thuật và chất lượng cao như giàn khoan dầu khí, tàu biển, điện thoại di động, máy tính, xe máy...

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

**Chứng Nhận Hệ Thống Quản Lý
Chất Lượng ISO 9001:2015**



**Chứng Nhận Hợp Quy
No. 04-23**



**Chứng Nhận Hợp Chuẩn
JIS K 5663:2003**



QCVN 08:2020/BCT

**Chứng Nhận Hợp Quy
No. 32-13**



QCVN 16:2023/BXD

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY



Sơn Super Coat -Sơn Nội thất Cao cấp



Chống Thấm INTEC 24_Tường/Sàn



Sơn Exterior - Sơn Ngoại thất



Sơn Flintcoat - Sơn ngoại thất Cao cấp



Sơn New Interior - Sơn Nội thất



Sơn Hitech Plus - Sơn Ngoại thất Cao cấp



Sơn lót Anti - Sơn lót chống kiềm



Sơn kẽm 2 trong 1



Sơn Alkyd



Sơn Epoxy



Bột trét Donasa



Bột trét Lucky

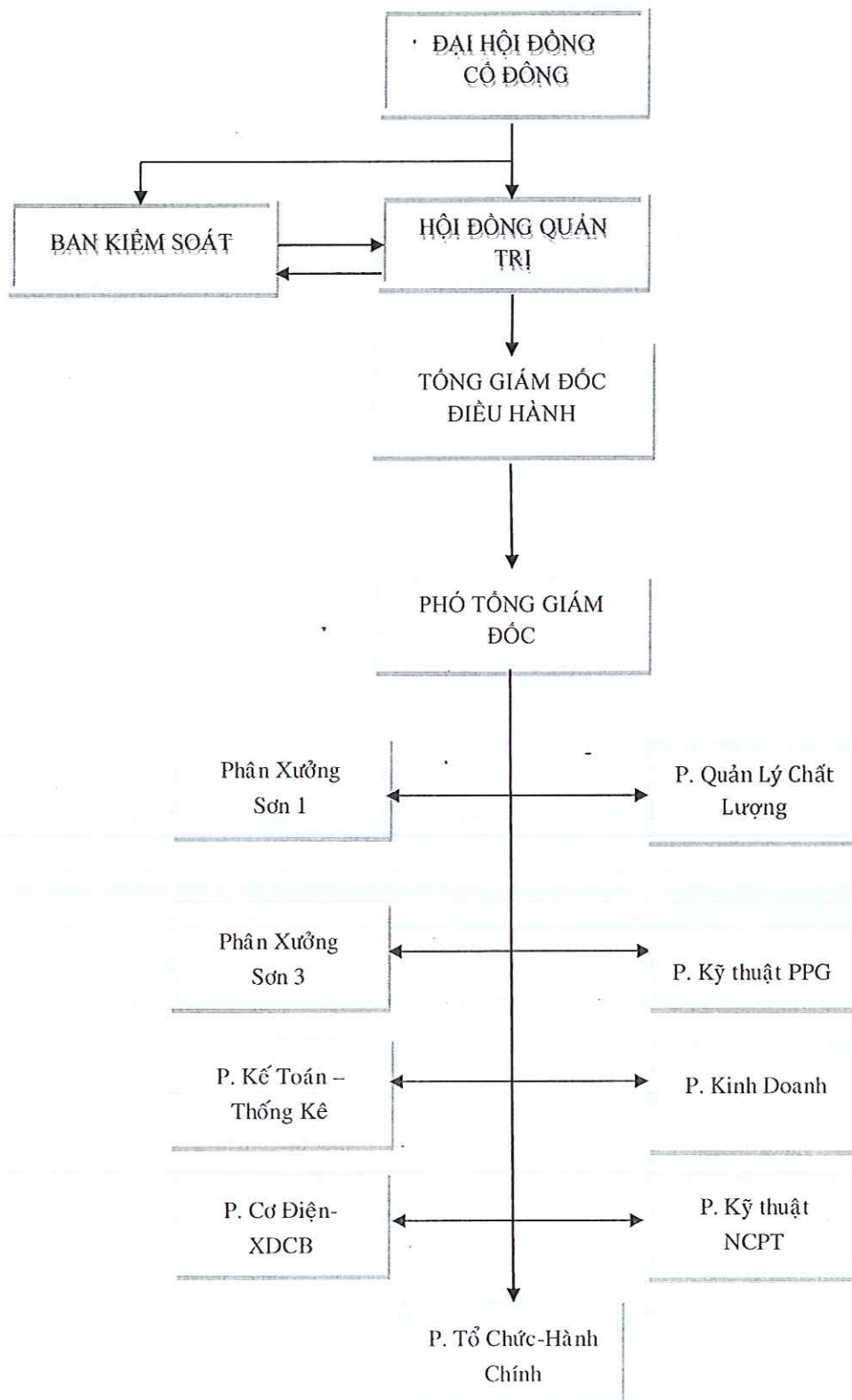


Bột trét Powdercoat

3/- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI



4/- Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2026.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (đồng)	Kế hoạch
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	197.558
2	Doanh thu	Triệu	113.805
3	Lợi nhuận (sau thuế)	Triệu	5.920
4	Nộp ngân sách	Triệu	7.400
5	Tiền lương thu nhập bq/người/tháng	Triệu	10,377
6	Tổng sản lượng	Tấn	9.040
7	Cổ tức dự kiến chia	%	5

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Định hướng tổ chức sản xuất: Tập trung mọi nguồn lực để khởi công xây dựng Nhà máy mới tại KCN Hồ Nai với khả năng phù hợp điều kiện tài chính, nhằm ổn định sản xuất. Hợp tác sản xuất tốt với hai Tập đoàn AkzoNobel (Hà Lan) và PPG (Hoa Kỳ) để mang lại hiệu quả kinh tế từ khu vực hợp tác.

+ Định hướng chiến lược phát triển sản phẩm: Tiếp tục phát triển nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm khu vực nội địa. Bên cạnh việc phát triển dòng sản phẩm chủ lực, mũi nhọn, tập trung phát triển đa dạng các dòng sản phẩm có thể mạnh nhằm đáp ứng cho mọi đối tượng khách hàng.

+ Định hướng chiến lược về chất lượng: Sản phẩm Sơn Đồng Nai thương hiệu DONASA được sản xuất phù hợp theo Quy chuẩn quốc gia của Bộ Xây dựng; Chứng Nhận Hợp Chuẩn JIS K 5663:2003 của Nhật Bản; sản phẩm được Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001. Sản phẩm được công bố hợp quy tại Sở Xây dựng Đồng Nai và Sở Công thương.

+ Định hướng chiến lược kinh doanh: Duy trì ổn định hệ thống phân phối để làm nền tảng và phát triển mảng khách hàng dự án, công trình thông qua các nhà phân phối là các Công ty xây dựng, Cơ khí. Chủ động hợp tác với các nhà sản xuất nhóm hàng vật liệu xây dựng trong khối Tổng Công ty Sonadezi, các đơn vị tư vấn, thiết kế, nhà thầu để tạo ra chuỗi liên kết bền vững, hợp tác lâu dài.

+ Định hướng chiến lược phát triển thương hiệu: Thông qua các phương tiện truyền thông để quảng bá thương hiệu sản phẩm, thống nhất và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông tiếp thị, trong đó tập trung vào vai trò của truyền thông mạng, nền tảng mạng xã hội phổ biến hiện nay, các hoạt động xã hội cộng đồng, báo chí...để nâng cao uy tín và sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Định hướng về tổ chức: Mô hình quản lý được điều chỉnh phù hợp với quy mô phát triển theo từng giai đoạn, căn cứ vào đó để chủ động quy hoạch và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho mục tiêu phát triển trong tương lai.

+ Định hướng về chiến lược quản trị tài chính: Tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính ngắn hạn, đồng thời hướng đến việc phát triển bền vững về dài hạn của Công ty. Cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

+ Định hướng mục tiêu phát triển bền vững: Mọi hoạt động Sản xuất Kinh doanh của Công ty phải tuân thủ luật định, góp phần lành mạnh môi trường kinh doanh, tạo ra nguồn việc làm dồi dào, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước, bảo vệ môi trường và tích cực chung tay tham gia các hoạt động xã hội vì cộng đồng.

5/- Các rủi ro:

- Rủi ro do môi trường kinh doanh: Chiến tranh giữa Nga và Ucraina còn kéo dài, các cuộc xung đột khu vực, thị trường bất động sản còn chưa khởi sắc.

Biện pháp quản trị: Theo dõi sát tình hình chính trị, kinh tế trong nước và trên thế giới ở từng thời điểm cộng với trực giác nhạy bén để có quyết sách phù hợp. Trên cơ sở đó tranh thủ nắm bắt cơ hội, tìm được thuận lợi ngay trong khó khăn.

- Rủi ro từ sự biến động giá cả nguyên liệu: Chi phí tăng do giá nguyên liệu, năng lượng tăng cao.

Biện pháp quản trị : Luôn duy trì tối thiểu ba nhà cung ứng để hạn chế sự độc quyền. Dự báo được điểm rơi của giá nguyên liệu để có phương án dự trữ tốt nhất.

- Rủi ro do hỏa hoạn. Cháy nổ xảy ra trong quá trình sản xuất, lưu trữ nguyên liệu vật tư sản xuất.

Biện pháp quản trị: Bố trí các kho không tập trung. Mua bảo hiểm cháy nổ hỏa hoạn. Làm tốt công tác Phòng cháy chữa cháy, huấn luyện sử dụng phương tiện phòng cháy định kỳ. Hằng năm có chương trình đào tạo, huấn luyện, diễn tập phương án chữa cháy tại chỗ.

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025:

1/- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1/- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 2025:

1.1.1/- Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	- KẾ HOẠCH NĂM 2025	KẾT QUẢ 2025	KẾT QUẢ 2024	TH/KH (%)	TH/NT (%)
1	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	238.496	271.229	333.420	114	81
2	Tổng doanh thu	"	108.156	115.459	123.706	107	93
3	Sản lượng các loại	Tấn	10.230	10.167	12.106	99	84
4	Lợi nhuận (sau thuế)	Tr.đ	5.023	6.687	8.850	133	76
5	Nộp ngân sách (phải nộp)	Tr.đ	7.100	7.453	8.480	101	84
6	Tiền lương thu nhập bq	"	10,694	11,691	12,100	111	98

2/- Tổ chức và nhân sự:

2.1/- Danh sách Ban điều hành.

T	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc	10/04/2020	
2	Nguyễn Phạm Thuyên	P. Tổng Giám đốc	10/04/2020	

3	Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên (Miễn nhiệm ngày 1/5/2025)	P. Tổng Giám đốc	25/03/2020	Miễn nhiệm ngày 1/5/2025
4	Phạm Quốc Việt (Bổ nhiệm ngày 18/4/2025).	P. Tổng Giám đốc	18/04/2025	
5	Huỳnh Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	03/02/2020	

2.1.1/- Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành.

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Nguyễn Đức Nhiên

Họ và tên : Nguyễn Đức Nhiên

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 5/1/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

- Từ 03/1998 - 06/2002 : Nhân viên P. Kinh tế Kế hoạch, Trưởng trạm nông vụ Hiếu Liêm thuộc Công ty Mía đường Trị An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

- Từ 06/2002 - 11/2009 : Nhân viên, Tổ trưởng Tổ tiếp thị Phòng Kinh doanh Công ty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 11/2009 - 2/2012 : Phó Phòng Kinh doanh Công ty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 02/2012 - 10/2019 : Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 11/2019 - 03/2020 : P. Tổng Giám đốc Cty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 4/2020 – Nay : Phó Chủ tịch HĐQT-Tổng Giám đốc Cty CP Sơn Đồng Nai.

- Các chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên.

Số CP nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm 24/10/2025): 13.200 cổ phần chiếm 0,43% vốn điều lệ.

+ Đại diện chủ sở hữu: 607.392 (tại thời điểm 24/10/2025) cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ:

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không.

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Nguyễn Phạm Thuyên

Họ tên : Nguyễn Phạm Thuyên

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30/9/1973
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn : - Kỹ sư hóa
- Cử nhân Quan hệ Kinh tế quốc tế

Quá trình công tác :

- Từ 05/1996 - 06/2000 : Nhân viên kỹ thuật NM Sơn Đồng Nai
- Từ 07/2000 - 10/2019 : Trưởng phòng kỹ thuật Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 11/2019 - 3/2020 : Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 4/2020 - Nay : Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Sơn

Đồng Nai

- Các chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên.

Số cổ phần nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm ngày 24/10/2025) : 8.000 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ.

+ Đại diện chủ sở hữu: 0 (tại thời điểm 24/10/2025) cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không.

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Phạm Quốc Việt

Họ và tên : Phạm Quốc Việt
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 11/09/1983
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn : - Kỹ sư công nghệ hóa thực phẩm

Quá trình công tác :

- Từ 05/2012 - 06/2019 : Nhân viên kỹ thuật Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 07/2019 - 03/2025 : Quản đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 04/2025 - Nay : Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm ngày 24/10/2025) : 0 cổ phần chiếm 0 % vốn điều lệ.

+ Đại diện chủ sở hữu: 0 (tại thời điểm 24/10/2025) cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

- Tóm tắt lý lịch cá nhân bà Huỳnh Thị Thanh Hương

Họ và tên : **Huỳnh Thị Thanh Hương**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 16/09/1979

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ năm 2003-2011: Nhân viên kế toán Cty CP Sơn Đồng Nai

- Từ năm 2012-2018: Nhân viên kế toán, Thành viên BKS Cty CP Sơn Đồng Nai

- Từ tháng 2/2019 – Nay: Kế toán trưởng Cty CP Sơn Đồng Nai

- Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm 24/10/2025): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Đại diện chủ sở hữu: 0 (tại thời điểm 24/10/2025) cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ: .

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không.

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

2.1.2/- Kế toán trưởng, người CBTT

TT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Huỳnh Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	03/02/2020
2	Nguyễn Văn Linh	Công bố thông tin	01/09/2012

2.1.3/- Số lượng cán bộ, nhân viên.

TT	Chỉ Tiêu	Tính đến 31/12/2025	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Lao Động đã qua đào tạo Đại Học và trên Đại học	40	33

2	Trung cấp, Cao Đẳng, TCCN, CNKT	25	21
3	Lao Động phổ thông	55	46
Tổng cộng		120	100

3/- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Đầu tư tài chính: 819 triệu đồng.

- Cổ phiếu tại Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch: 819 triệu đồng, tương đương 81.900CP, trong năm 2024 Cty CP Đầu Tư Nhơn Trạch không chi trả cổ tức.

3.2. Tình hình trả tiền thuê đất tại KCN Hồ Nai đến ngày 31/12/2024.

- Chi phí thuê đất tại KCN Hồ Nai: 71.180.039.027 đồng (Đã bao gồm 10% VAT và theo tỷ giá ngày 31/12/2022).

- Công ty đã thanh toán: 68.116.632.804 đồng.

- Số tiền còn lại phải trả: 4.372.910.000 đồng (tương đương 170.000 USD theo tỷ giá ngày 6/3/2026).

4/- Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	106.148.107.138	109.332.757.705	Giảm: 3%
Doanh thu thuần	112.317.082.941	119.647.971.540	Giảm: 6 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.836.041.545	7.714.791.871	Giảm: 11%
Lợi nhuận khác	2.164.942.389	3.441.648.542	Giảm: 37%
Lợi nhuận trước thuế	9.000.983.934	11.156.440.413	Giảm: 20%
Lợi nhuận sau thuế	6.687.021.923	8.849.948.307	Giảm: 25%
Tỉ lệ lợi nhuận để trả cổ tức	22,70	61,75	Giảm: 64%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn.	1,3	1,2	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,7	0,7	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản.	0,37	0,38	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu.	0,59	0,63	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân. + Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản.	3,50 0,76	4,11 1,0	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần. + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản. + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	0,05 0,10 0,06 0,06	0,07 0,13 0,08 0,06	

5/- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.036.436 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.036.436 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông (tại ngày 04/03/2025)

Chỉ Tiêu	SL người sở hữu	SL CK sở hữu	Tỉ lệ (%)
1	2	3	4
1. Cổ đông lớn	05	1.872.702	61,67
2. Cổ đông nhỏ	289	1.163.734	38,33
3. Trong Nước	270	2.364.548	77,87
a. Cá nhân	266	1.123.006	36,98
b. Tổ Chức	4	1.241.542	40,89
3. Nước ngoài	24	671.888	22,13
a. Cá nhân	19	557.564	18,36
b. Tổ Chức	5	114.324	3,77
4. Cổ đông Nhà nước	01	911.088	30
5. Cổ đông khác	293	2.125.348	70

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Tác động lên môi trường.

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 422,4 tấn CO₂e
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

- a. Tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất và đóng gói sản phẩm trong năm: 3.815.078 kg (bao gồm sản phẩm đã đóng gói và 2% tỉ lệ hao hụt nguyên liệu trong sản xuất).
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (Điện năng): Mức tiêu thụ trung bình 28.621 KW/tháng.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: Mức tiêu thụ trung bình 496 m³/tháng.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 320.000.000 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 120 người, mức thu nhập: 11.691.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Thực hiện theo quy định của Nhà nước và chính quyền sở tại.

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 16 giờ/năm. Huấn luyện các quy định về An toàn VSLĐ-PCCC, chuyên môn nghiệp vụ khác.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo nội bộ và bên ngoài, căn cứ theo nhiệm vụ chức năng của từng Phòng ban, Phân xưởng, vị trí công tác.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty đã tham gia các chương trình hướng đến cộng đồng: Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Ủng hộ Quỹ nạn nhân chất độc da cam/dioxin Ủng hộ bà con nghèo đón tết; Ủng hộ Hội người mù các huyện trong tỉnh Đồng Nai.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III/- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

1/- Đánh giá kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh.

1.1. Điều hành Sản xuất-Kinh doanh-Bán hàng.

1.1.1 Về tổ chức sản xuất.

- Trong năm 2025 sản lượng đạt 10.167 tấn sản phẩm các loại, đây là nỗ lực rất lớn của CB-CNV tại khu vực sản xuất, trong đó yêu cầu tuyệt đối về An toàn lao động, môi trường làm việc và cháy nổ cùng với chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu.

- Các Phân xưởng và các Phòng nghiệp vụ đã chủ động bố trí nhân lực, không để người lao động thiếu việc làm, đáp ứng các yêu cầu cho sản xuất tăng ca và đi 3 ca khi sản lượng tăng cao, thông qua đó đã đáp ứng kịp thời tiến độ theo yêu cầu của Đối tác và Khách hàng.

- Các Xưởng sản xuất đã có nhiều biện pháp tận dụng công suất của máy móc thiết bị, làm việc chăm chỉ, tích cực tăng ca, chông ca và phối hợp tốt với các Phòng Kỹ thuật cũng là những nhân tố đóng góp cho sự ổn định trong sản xuất của Công ty.

- Ngày 01/08/2025, Công ty tạm dừng sản xuất với Công ty TNHH AkzoNobel, do liên quan chính sách di dời KCN Biên Hòa 1, trong khi Công ty chưa xây dựng được Nhà máy mới để đáp ứng sản xuất cho đối tác nước ngoài.

1.1.2. Về Kinh doanh-Bán hàng:

- Trước tình hình sản xuất, kinh doanh ngày càng khó khăn do bị ảnh hưởng của thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng, dẫn đến các công trình xây dựng giảm, đội ngũ kinh doanh tích cực mở rộng tìm kiếm thị trường và khách hàng mới, thường xuyên phân tích xu hướng người tiêu dùng để xây dựng kế hoạch tiếp thị, bán hàng cho phù hợp.

- Sản phẩm Sơn Đồng Nai-Thương hiệu DONASA hiện nay đang tiêu thụ tại 89 Cửa hàng Đại lý, 71 Doanh nghiệp tiêu thụ trực tiếp và hơn 100 cửa hàng phân phối cấp 2 của Hệ thống phân phối. Công ty liên tục xây dựng các chương trình khuyến mại với nhiều hình thức, đa dạng, phong phú nhằm tăng doanh số, kích cầu tiêu dùng để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra.

- Năm 2025 do tình hình kinh tế khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì Quảng cáo thùng sơn nước DONASA Hitech Plus tại Bồn nước Khu Công nghiệp Biên Hòa I và Bảng Pano quảng cáo tại cửa ngõ vào TP. Biên Hòa (Công viên 30/4 – Đồng Nai).

- Trong hoạt động bán hàng và thu tiền: Phòng Kế toán và Kinh doanh tăng cường đôn đốc khách hàng trả nợ, kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ cũ và mới phát sinh. Tỷ lệ nợ phải thu đến cuối năm trên doanh số giảm so cùng kỳ.

1.2. Những Công tác đảm bảo cho Sản xuất Kinh doanh.

1.2.1. Về Công tác Kỹ thuật-Giám sát sản xuất.

- Sản phẩm của Cty trong quá trình sản xuất, tiêu thụ được quản lý bởi Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Chất lượng sản phẩm phù hợp Qui chuẩn QCVN 16:2019/BXD của Bộ Xây dựng; QCVN 08:2020/BCT của Bộ Công thương và Tiêu chuẩn JIS K 5663:2003 của Nhật Bản.

- Công ty luôn chú trọng cải tiến chất lượng, bao bì sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng, tăng tính cạnh tranh trên thị trường sơn trang trí. Đồng thời đa dạng các sản phẩm khác nhau nhằm gia tăng thị phần;

- Đội ngũ kỹ thuật R&D đã nghiên cứu và tạo ra nhiều sản phẩm hệ nước, hệ dung môi nhằm đa dạng hoá sản phẩm và tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Các sản phẩm này đang được đánh giá chất lượng và xem xét khả năng phù hợp với điều kiện khí hậu khi đưa vào thực tế sử dụng.

1.2.2. Về Công tác Kế toán-Thống kê.

- Đảm bảo nguồn tài chính trong thanh toán nội bộ cũng như trong giao dịch với các đối tác nước ngoài. Đã kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- Trong xử lý, phân tích số liệu trong tháng, trong quý được phản ánh kịp thời từ ngày 02-12 hàng tháng, qua đó đã giúp cho Ban Điều hành đưa ra những quyết định kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

- Từ kết quả Kiểm toán bán kỳ, toàn kỳ của Cty kiểm toán RSM Việt Nam và hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát. Công tác Kế toán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.

1.2.3. Về Công tác Cơ Điện-XDCB.

- Đảm bảo Nhà máy tuyệt đối an toàn về điện tại Nhà máy KCN Biên Hòa 1, Nhà máy KCN Biên Hòa 2 và Nhà máy tại KCN Amata.

- Hoạt động Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hiệu quả, đã hạn chế sự cố hỏng hóc, các yêu cầu an toàn về điện được kiểm soát chặt chẽ.

- Tất cả những sự cố liên quan đến hệ thống điện, máy móc, các sự cố trong vận hành thiết bị đều được đưa ra hành động khắc phục, phòng ngừa, không để xảy ra sự cố hư hỏng máy móc lớn dẫn đến sản xuất phải ngừng.

- Trong năm 2025, Phòng Cơ Điện -XDCB đã cùng các Phòng nghiệp vụ khác tổ chức di dời, lắp đặt máy móc thiết bị, kho tàng tại nơi sản xuất mới rất kịp thời, khoa học, tiện ích, góp phần vào sự ổn định sản xuất của Công ty.

1.2.4. Về Công tác Tổ chức-Hành chính-Nhân sự.

- Công tác xây dựng, phát triển đào tạo nguồn nhân lực luôn được chú trọng, hoạt động đào tạo tại chỗ đã được quan tâm duy trì. Bố trí lao động hợp lý, đáp ứng các yêu cầu cho sản xuất và công tác chuyên môn của toàn Công ty.

- Đã tham mưu và giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác thi đua khen thưởng, Đảng-Đoàn, thị trường chứng khoán...

- Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương, thu nhập, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm lao động..., theo đúng quy định của pháp luật về quan hệ lao động.

- An ninh Chính trị, Trật tự An toàn trong và ngoài Công ty được quan tâm; Các Đơn thư khiếu nại, thắc mắc về chế độ tiền lương, chính sách lao động không xảy ra-Công ty duy trì được một môi trường lao động, làm việc Hợp tác và Hòa hòa.

- Các yêu cầu về An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Bảo vệ môi trường, Bảo vệ sức khỏe được duy trì và thực hiện tốt. Góp phần đảm bảo cho hoạt động Sản xuất Kinh doanh được an toàn và hiệu quả.

- Thực hiện thủ tục đầu tư kinh doanh tại địa điểm mới; cấp giấy phép môi trường; phòng cháy chữa cháy; an toàn đối với nhà máy sản xuất hóa chất; quan hệ với chính quyền địa phương và các đảm bảo khác cho Nhà máy tại KCN Biên Hòa 2 đi vào hoạt động đúng thời gian, kế hoạch mà Ban Giám đốc đề ra.

- Phối hợp với các đơn vị thực hiện việc di dời Nhà máy từ KCN Biên Hòa 1 sang KCN Biên Hòa 2, đảm bảo việc bàn giao mặt bằng cho Trung tâm phát triển quỹ đất.

1.3. Chăm lo điều kiện làm việc, đời sống người lao động.

- Quan hệ lao động tại Công ty hài hòa, dân chủ, công khai và đảm bảo công bằng giữa đóng góp và thụ hưởng. Môi trường làm việc tại Công ty luôn luôn được cải thiện để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Năm 2025 tình hình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp khó khăn, trong khi nhiều Công ty, Doanh nghiệp trong ngành xây dựng và vật liệu xây dựng phải đóng cửa nhưng CB-CNV Công ty Sơn Đồng Nai vẫn có việc làm ổn định, tiền lương thu nhập được đảm bảo. Các hoạt động văn hóa thể thao, tặng quà cho con em CB-CNV nhân dịp trung thu, khai giảng năm học, kết thúc năm học vẫn được duy trì thực hiện.

- Tất cả những chính sách đối với người lao động về: Môi trường làm việc, nghỉ ngơi, phương tiện phòng hộ cá nhân, các chế độ bảo hiểm, độc hại, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp... được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

1.4. Hoạt động của Đoàn thể bán chuyên trách.

- Công ty có Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng tiền lương, Hội đồng thi đua khen thưởng-kỷ luật, Hội đồng sáng kiến, Ban ISO, Ban bảo vệ môi trường, Ban chuyển đổi số, Tổ đánh giá 5S, Tổ Phòng cháy chữa cháy, Tổ Mạng lưới an toàn vệ sinh viên....Các tổ chức, đoàn thể trên luôn nỗ lực hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Công ty cũng đã tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội: Chi bộ, Công đoàn, Chi Đoàn thanh niên, Chi hội CCB phát huy đúng chức năng, nhiệm vụ, cũng như phát huy vai trò lãnh đạo, hướng dẫn.

1.5. Công tác An toàn-VSLĐ, PCCN, Bảo vệ sức khỏe, Bảo vệ môi trường.

- Đã phối hợp với cơ quan chức năng để tổ chức các chương trình huấn luyện AT-VSLĐ, ATHC, PCCN, BVSK, BVMT. Trong năm đã tổ chức diễn tập và tham gia hội thao PCCC của Nhà máy Sơn Đồng Nai, Nhà máy Amata đạt thành tích cao.

- Công ty đã chủ động xây dựng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, nguy cơ tại nơi làm việc, trong năm không để xảy ra bất kỳ vụ tai nạn lao động và không có người lao động bị mắc các bệnh nghề nghiệp.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho toàn thể CB-CNV. Kết quả khám sức khỏe định kỳ, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong toàn Công ty đảm bảo cho sản xuất, làm việc.

1.6. Công tác thi đua khen thưởng, hoạt động cộng đồng:

1.6.1. Về công tác Thi đua-Khen thưởng:

- Trong năm đã phát động 1 đợt thi đua ngắn ngày để chào mừng ngày thành lập Công ty, lễ 30/4, 01/5 và chào mừng kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh, 38 năm ngày Thành lập Nhà máy SƠN ĐỒNG NAI. Qua đó tạo không khí thi đua sôi nổi, góp phần gia tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm và người lao động đã tuân thủ tốt nội quy Công ty, an toàn trong sản xuất kinh doanh.

- Hoạt động thi đua trong CB-CNV không hình thức đối phó, thông qua đó đã động viên kịp thời tới người lao động. Việc tổ chức hàng năm tháng thi đua, không chỉ mang lại ý nghĩa kinh tế, vật chất mà nâng cao nhận thức giác ngộ cho Công nhân lao động và đã trở thành VĂN HÓA SƠN ĐỒNG NAI.

1.6.2. Về hoạt động tri ân, hướng đến cộng đồng: Công ty đã tham gia các chương trình hướng đến cộng đồng: Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Ủng hộ bà con nghèo đón tết; Ủng hộ Hội người mù các huyện trong tỉnh Đồng Nai.

2/- Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản.

- Tổng nguồn vốn: 106.148.107.138 đồng.

- Việc sử dụng các nguồn vốn theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên, dưới sự chỉ đạo giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nên nguồn vốn được sử dụng một cách hợp lý và an toàn, không xảy ra bất kỳ rủi ro nào.

- Về tình hình nợ xấu: Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2025, tổng số nợ khó đòi là 2.280.239.194 đồng, khoản nợ này đã được trích dự phòng nợ phải thu khó đòi, đồng thời Công ty tích cực làm việc với khách hàng để thu hồi nợ.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Số nợ phải trả: 39.328.766.212 đồng.

- Đây là các khoản nợ: Đầu tư mua thiết bị sản xuất; mua nguyên liệu từ khách hàng, khoản vay của tổ chức tài chính....Giá trị các khoản nợ không ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Theo nhu cầu tổ chức và nhiệm vụ của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Theo mục tiêu chung của Công ty.

5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Thực hiện tốt.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Thực hiện tốt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện tốt.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện tốt.

IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY:

1/- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản Trị gồm 5 thành viên, trong đó có 02 thành viên trực tiếp quản lý và điều hành Công ty. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị duy trì chương trình làm việc thông qua các cuộc họp hàng Quý. Nội dung họp đảm bảo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Cty, các cuộc họp có sự tham dự của các Thành viên Ban Kiểm soát.

- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 05 phiên họp thường kỳ, 01 phiên họp đột xuất và 10 lần gửi văn bản báo cáo, lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng Quản trị để chỉ đạo, định hướng mục tiêu SXKD và quyết định các vấn đề phát sinh trong Quản lý điều hành của Công ty.

2/- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành:

- Năm 2025 do ảnh hưởng của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Ban Điều hành công ty đã chỉ đạo mọi mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoàn thành nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội cổ đông, cụ thể Ban giám đốc đã chỉ đạo thực hiện một loạt công việc: Từ tổ chức sản xuất, bán hàng, nhân sự-tiền lương, thu hồi công nợ, tổ chức kiểm toán, tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, kiện toàn các tổ chức, đoàn thể đi vào hoạt động có hiệu quả...vv.

3/- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị.

- Năm 2026 và những năm tiếp theo được đánh giá còn rất khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế trong nước và thế giới, cuộc chiến tranh Nga-Ucraina, xung đột khu vực Trung Đông. Hội đồng Quản trị xác định phát triển tăng tỷ trọng sản xuất sơn nội địa bao gồm sơn dung môi và sơn nước, giảm sự phụ thuộc vào đối tác nước ngoài, trong tình hình sản lượng của đối tác cắt giảm nhiều.

- Tập trung huy động tài chính, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho SXKD, đảm bảo xây dựng nhà máy mới tại KCN Hồ Nai.

- Tiếp tục thực hiện hợp tác sản xuất với tập đoàn PPG (Hoa Kỳ) và Akzo Nobel (Hà Lan) theo như hợp đồng đã ký kết.

V- QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1/- Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Không tham gia điều hành	Thành viên HĐQT/HĐTV công ty khác	Số CP sở hữu cuối kỳ	
					Số CP	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch HĐQT			8.000	0,26
2	Nguyễn Đức Nhiên	P. Chủ tịch HĐQT			13.200	0,43
3	Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	x		149.168	4,91
4	Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	x		3.400	0,11
5	Trần Trung Kiên (Miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Thành viên HĐQT	x	x	0	0
	Đậu Khánh Phương (Bổ nhiệm ngày 18/4/2025)	Thành viên HĐQT độc lập	x	x	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm toán nội bộ

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp(%)	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Phạm Thuyên	6	100	
2	Nguyễn Đức Nhiên	6	100	
3	Trần Trung Kiên	3	50	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025.
4	Đào Đình Đề	4	66,6	Bận công tác
5	Vũ Nguyễn Thị Hạnh	6	100	
6	Đậu Khánh Phương (Thành viên HĐQT độc lập)	3	50	Bổ nhiệm ngày 18/4/2025.

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua/ (%)
1	40/2025/NQ-HĐQT	16/01/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh năm 2024. - Thông qua Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh năm 2025. - Thông nhất về nguyên tắc đối với Kế hoạch chuẩn bị tổ chức Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2025-Đại hội nhiệm kỳ VI (2025-2029). - Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 với tỉ lệ 5%/mệnh giá. Thời gian thực hiện trong Quý 1/2025. - Thông qua Kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2025. - Thông qua hợp đồng dịch vụ thu gom, xử lý rác sinh hoạt với Công ty CP Môi trường Sonadezi-Tổ chức có liên quan tới Tổng Công ty CP Phát Triển KCN, hiện là cổ đông lớn nắm giữ 30% vốn Điều lệ của Công ty CP Sơn Đồng Nai 	100
	40/2025/NQ-HĐQT	16/01/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Phương Đông để cung cấp sơn, bột trét-Tổ chức có liên quan tới ông Đào Đình Đề, hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty. 	80
2	42/2025/NQ-HĐQT	22/03/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh quý 1/2025. - Thông qua Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và các mặt công tác khác quý 2/2025. - Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 là 18%/mệnh giá. - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 	100

			- Thông qua Nội dung chương trình và thời gian Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	
3	01/2025/NQ-HĐQT	18/04/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên, kể từ ngày 01/05/2025. - Thống nhất bổ nhiệm ông Phạm Quốc Việt giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty, kể từ ngày 18/04/2025. - Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Phạm Thuyền giữ chức danh Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty, kể từ ngày 18/04/2025. - Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Nhiễm giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và là người Đại diện theo pháp luật, kể từ ngày 18/04/2025. 	100
4	02/2025/NQ-HĐQT	28/05/2025	Thông qua việc lựa chọn ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam là Đơn vị thực hiện lập BCTC năm 2025 cho Công ty.	100
5	04/2025/NQ-HĐQT	15/07/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương di dời Công ty Sơn Đồng Nai theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22/6/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi bổ sung Đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị-thương mại-dịch vụ và cải thiện môi trường. - Ban Điều hành chuẩn bị nội dung trình Hội đồng Quản trị phê duyệt về chủ trương di dời Công ty và xây dựng nhà máy mới tại KCN Hồ Nai để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời gian sớm nhất. 	100
6	05/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH TM XD K20 là đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổng thể mặt bằng và xin cấp giấy phép môi trường, giấy phép xây dựng cho dự án Nhà máy sản xuất sơn của Công ty CP Sơn Đồng Nai tại KCN Hồ Nai.	100
7	06/2025/NQ-HĐQT	08/08/2025	Thông qua việc thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Sản xuất MICA tại KCN Biên	100

			Hòa 2 để tổ chức sản xuất tạm thời trong thời gian Công ty triển khai các thủ tục để xây dựng Nhà máy mới tại KCN Hồ Nai.	
8	08/2025/NQ-HĐQT	21/08/2025	<p>Thông qua việc thành lập Chi nhánh tại KCN Biên Hòa 2, thông tin cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên chi nhánh: Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai-Chi nhánh Long Bình. - Địa chỉ chi nhánh: Số 13, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. Trảng Biên, T. Đồng Nai. - Mục đích thành lập chi nhánh: Sản xuất, kinh doanh sơn và bột trét tường theo đúng ngành, nghề kinh doanh của Công ty trong thời gian xây dựng nhà máy mới tại trụ sở chính KCN Hồ Nai. - Hình thức hạch toán: Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (có mã số thuế, có con dấu riêng). - Người đứng đầu chi nhánh: Ông Nguyễn Đức Nhiên, hiện là Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 	100
9	10/2025/NQ-HĐQT	29/08/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025. - Thông qua Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh và các mặt công tác khác quý 3 và 6 tháng cuối năm 2025. - Thông qua việc chia cổ tức còn lại của năm 2024 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với tỉ lệ 13%/cổ phiếu. - Thống nhất điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2025. - Thông nhất giao Ban Điều hành tiến hành các thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để ban hành Nghị quyết về việc thay đổi địa chỉ Công ty và lập hồ sơ điều chỉnh giấy đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. 	100
10	11/2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	- Thông qua việc giao dịch với Công ty CP Sonadezi Long Bình để cung cấp nước sạch cho nhà máy sản xuất của Công ty CP Sơn Đồng Nai tại KCN Biên Hòa 2-Đây là tổ chức có liên quan tới Tổng Công ty CP	

			Phát triển KCN, hiện đang là cổ đông lớn nắm giữ 30% vốn điều lệ của Công ty CP Sơn Đồng Nai. - Thông qua việc giao dịch với Công ty CP Dịch vụ Sonadezi để cung cấp dịch vụ tiếp nhận, xử lý nước thải công nghiệp cho nhà máy sản xuất của Công ty CP Sơn Đồng Nai tại KCN Biên Hòa 2-Đây là tổ chức có liên quan tới Tổng Công ty CP Phát triển KCN, hiện đang là cổ đông lớn nắm giữ 30% vốn điều lệ của Công ty CP Sơn Đồng Nai.	100
11	12/2025/NQ-HĐQT	13/10/2025	Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.	100
12	14/2025/NQ-HĐQT	29/11/2025	- Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh 9 tháng đầu năm 2025. - Thông qua Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và các mặt công tác khác của quý 4/2025. - Thống nhất việc thanh lý tài sản Nhà máy tại Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1 (bao gồm nhà xưởng và các công trình phụ trợ): Sau khi xác định giá trị còn lại của tài sản, Ban Điều hành sẽ báo cáo và xin ý kiến Hội đồng Quản trị trước khi thực hiện theo quy định.	100

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Đang tham dự các khóa đào tạo.

2/- Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Thị Chung (Bổ nhiệm ngày 18/4/2025).	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
2	Đặng Lê Bích Phượng (Miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0

3	Bùi Thị Thùy Liên	TV Ban kiểm Soát	2.000	0,06
4	Trịnh Thị Ngọc Hương	TV Ban kiểm Soát	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

TT	Thời gian	Nội dung
1	03/03/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024. - Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty. - Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. - Báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát. - Đánh giá về giao dịch giữa các bên liên quan. - Kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành Sản xuất Kinh doanh tại Công ty.
2	18/04/2025	- Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Kiểm soát.
3	5/5/2025	- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 của Công ty CP Sơn Đồng Nai.
4	26/09/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025. - Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty. - Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. - Báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát. - Đánh giá về giao dịch giữa các bên liên quan. - Kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành Sản xuất Kinh doanh tại Công ty.

c) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ:

Danh sách thành viên Ban Kiểm toán nội bộ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Kiều Thị Thanh Loan	Phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ	0	0

d) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ: Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt.

3/- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị tính	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Phạm Thuyền	CT. HĐQT/P.TGD	Đồng	512.451.000
2	Nguyễn Đức Nhiên	P.CT HĐQT/TGD	Đồng	571.662.000
3	Đào Đình Đề	TV. HĐQT	Đồng	87.592.000
4	Trần Trung Kiên (Miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	TV. HĐQT	Đồng	30.931.000
5	Đậu Khánh Phương (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2025)	TV. HĐQT độc lập	Đồng	56.661.000
6	Vũ Nguyễn Thị Hạnh	TV. HĐQT	Đồng	87.592.000
7	Bà Nguyễn Thị Chung (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2025)	TBKS	Đồng	56.661.000
8	Đặng Lê Bích Phượng (Miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	TBKS	Đồng	30.931.000
9	Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	TV. BKS	Đồng	45.846.000
10	Bà Bùi Thị Thùy Liên	TV. BKS	Đồng	177.784.000
11	Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên (Miễn nhiệm ngày 1/5/2025)	P.Tổng Giám Đốc	Đồng	354.742.000
12	Phạm Quốc Việt (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2025)	P.Tổng Giám Đốc	Đồng	250.561.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Phụ lục 4 được công bố tại Báo cáo 02/2025/BCQT-SDN ngày 30/01/2026 về tình hình quản trị Công ty năm 2025 (Đính kèm phụ lục 4).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng giám đốc), các cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên: Chi tiết tại Phụ lục 2 được công bố tại Báo cáo 02/2025/BCQT-SDN ngày 30/01/2026 về tình hình quản trị Công ty năm 2025 (Đính kèm phụ lục 2).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện theo quy định của pháp luật về Quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính: Tài liệu đính kèm.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Nhiên

Phụ lục 4: Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.
(Đính kèm Báo cáo số 02/2025/BCQT-SDN ngày 30/01/2026 về tình hình quản trị Công ty năm 2025)

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà Bùi Thị Thùy Liên Thành viên Ban Kiểm soát		0	0%	2.000	0,06	Đã mua 2.000

Phụ lục 2: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ năm 2025 (Đính kèm Báo cáo số 02/2025/BCQT-SDN ngày 30/01/2026 về tình hình quản trị Công ty).

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng công ty CP Phát triển KCN	Cổ đông lớn	36003 35363	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. Trăn Biên, T. Đồng Nai	42/HĐT Đ/BH1 ngày 9/10/2003	08/2022/NQ -HĐQT Ngày 29/07/2022	-Nội dung: Thuê đất tại KCN Biên Hòa 1. -Tổng giá trị giao dịch: 207.427.66 đồng.	
2	Công ty CP Dịch Vụ Sonadezi	Người có liên quan	36008 90938	Tầng 8, Tòa nhà Sonadez, Số 01, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. Trăn Biên, T. Đồng Nai	151/2020/HĐNT .XLCT Ngày 13/07/2020	08/2022/NQ -HĐQT Ngày 29/07/2022	-Nội dung: Thuê dịch vụ xử lý nước thải. Tổng giá trị giao dịch: 33.058.356 đồng	
3	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Người có liên quan	36002 74914	Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, P. Trăn Biên, T. Đồng Nai	26/2022/HĐ.RT Ngày 31/12/2021	08/2022/NQ -HĐQT Ngày 29/07/2022	-Nội dung: Thuê dịch vụ xử lý chất thải -Tổng giá trị giao dịch: 38.640.000 đồng	

				Nai				
4	Công ty CP Cấp Nước Đồng Nai	Người có liên quan	36002 59296	Số 48, đường Cách mạng tháng Tám, P. Trần Biên, T. Đồng Nai		08/2022/NQ -HĐQT Ngày 29/07/2022	-Nội dung: Mua nước sinh hoạt, nước uống. -Tổng giá trị giao dịch: 113.678.500 đồng	
5	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Người có liên quan	36018 67699	Số 1, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai	01/2025/ CV- Mica ngày 23/09/20 25	11/2025/NQ- HĐQT ngày 10/10/2025	-Nội dung: Mua nước sinh hoạt. -Tổng giá trị giao dịch: 5.623.500 đồng	
6	Công ty TNHH Phương Đông	Người có liên quan	37004 04099	Đường ĐT 746, KP. Bìn, P. Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh.	31/CT/S DN- 2022 Ngày 03/01/20 22	10/2022/NQ -HĐQT ngày 25/10/2020	-Nội dung: Bán vật liệu xây dựng -Tổng giá trị giao dịch: 477.404.150 đồng	

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 35



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Chung	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026

Số: 42/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

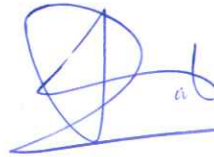
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026



Đỗ Thành Đạt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6288-2023-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.075.213.910	53.058.109.947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.715.712.022	4.588.484.559
1. Tiền	111	4.1	5.715.712.022	4.588.484.559
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.777.727.918	27.869.367.682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	22.271.554.596	29.225.045.261
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.259.025.609	45.232.960
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		527.386.907	869.308.893
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(2.280.239.194)	(2.270.219.432)
III. Hàng tồn kho	140	4.4	23.270.897.262	20.600.257.706
1. Hàng tồn kho	141		23.329.516.338	20.665.775.006
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.619.076)	(65.517.300)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		310.876.708	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.118.820	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	258.757.888	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.072.893.228	56.274.647.758
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		857.200.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		857.200.000	-
II. Tài sản cố định	220		772.164.535	1.165.944.996
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	772.164.535	1.165.944.996
Nguyên giá	222		31.414.078.079	31.743.783.133
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.641.913.544)	(30.577.838.137)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		701.177.112	715.047.543
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		819.000.000	819.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(117.822.888)	(103.952.457)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		52.742.351.581	54.393.655.219
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	52.653.351.581	54.170.970.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		89.000.000	222.685.185
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		106.148.107.138	109.332.757.705

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.328.766.212	42.397.189.957
I. Nợ ngắn hạn	310		39.098.766.212	42.197.189.957
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	21.396.514.732	17.374.326.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		512.505.547	216.077.660
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	127.865.941	824.947.540
4. Phải trả người lao động	314	4.9	2.757.898.187	2.930.807.205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		738.771.301	3.373.103.725
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		18.500.000	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	10.364.465.873	13.474.768.889
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	3.182.244.631	4.003.158.936
II. Nợ dài hạn	330		230.000.000	200.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		230.000.000	200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.819.340.926	66.935.567.748
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.819.340.926	66.935.567.748
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.12.2	30.364.360.000	30.364.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.364.360.000	30.364.360.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.6	22.942.119.888	21.270.364.407
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.12.6	1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.994.661.038	13.782.643.341
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.317.058.541	8.811.172.806
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.677.602.497	4.971.470.535
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		106.148.107.138	109.332.757.705



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	117.214.432.741	124.476.353.785
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	4.897.349.800	4.828.382.245
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		112.317.082.941	119.647.971.540
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	81.496.327.165	84.726.675.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.820.755.776	34.921.296.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.616.791	33.394.909
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.144.187.196	4.470.930.992
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.019.309.102	1.054.595.433
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.418.424.972	8.460.346.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.428.718.854	14.308.622.310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.836.041.545	7.714.791.871
11. Thu nhập khác	31	5.7	3.135.501.246	4.024.328.338
12. Chi phí khác	32		970.558.857	582.679.796
13. Lợi nhuận khác	40		2.164.942.389	3.441.648.542
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.000.983.934	11.156.440.413
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.180.276.826	2.306.492.106
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		133.685.185	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.687.021.923	8.849.948.307
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	1.762	2.366
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	1.762	2.366



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.000.983.934	11.156.440.413
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	476.603.461	692.121.772
Các khoản dự phòng	03		16.991.969	191.342.144
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.188.687)	(38.516.675)
Chi phí lãi vay	06	5.4	1.019.309.102	1.054.595.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.507.699.779	13.055.983.087
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.172.301.182	(4.767.621.220)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.663.741.332)	958.288.010
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.010.733.420	2.115.680.571
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.517.618.453	(482.467.485)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.019.309.102)	(1.054.595.433)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(2.586.974.558)	(2.597.200.385)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.288.000	7.615.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.182.866.250)	(3.343.551.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.779.749.592	3.892.130.385
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(82.823.000)	(424.772.144)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	25.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.188.687	13.516.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.634.313)	(386.255.469)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	31.143.088.667	37.047.284.257
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(34.253.391.683)	(35.619.021.237)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.5	(5.465.584.800)	(4.554.654.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.575.887.816)	(3.126.390.980)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		1.127.227.463	379.483.936
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.588.484.559	4.209.000.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	5.715.712.022	4.588.484.559



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2025 để thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.364.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 126 (01 tháng 01 năm 2025 là 149).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, sản xuất matit (bột trét tường).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Chi nhánh Long Bình	Số 13, đường 3A, KCN Biên Hoà 2, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
2.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Chi nhánh Bắc Ninh (*)	Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

(*) Chi nhánh Bắc Ninh đã ngưng hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 09 năm 2024 và vẫn đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục để chính thức giải thể, đóng mã số thuế chi nhánh.

1.6. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện việc di dời nhà máy khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai để UBND thực hiện Đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường.

Theo đó, Công ty đã thuê nhà xưởng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2 và thành lập Chi nhánh Long Bình để tổ chức sản xuất tạm thời trong thời gian Công ty triển khai các thủ tục để xây dựng Nhà máy mới tại Khu công nghiệp Hố Nai. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục tổ chức mời thầu và đấu giá thanh lý tài sản tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 9.885.079.711 VND – Xem thêm Mục 4.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính.

3.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chiết khấu thanh toán, chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nguyên vật liệu, bao bì; chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí khuyến mãi, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

030
KIỂM
RS
HÀNH

C.P.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	350.197.854	354.793.468
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.365.514.168	4.233.691.091
Cộng	5.715.712.022	4.588.484.559

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH PPG Việt Nam	4.135.951.083	4.566.700.839
Các khách hàng khác (*)	18.135.603.513	24.658.344.422
Cộng	22.271.554.596	29.225.045.261

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Quyền phải thu ngắn hạn của khách hàng tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.289.930.132	9.690.938	2.289.930.132	19.710.700

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì công nợ đã tồn đọng nhiều năm.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	2.270.219.432	2.172.166.249
Trích lập trong năm	10.019.762	98.053.183
Số cuối năm	2.280.239.194	2.270.219.432

(Xem tiếp trang sau)

789-
i TY
IH
& TUA
T NAI
iO-CY

M.S.D.N: 382
C

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu (Tiếp theo)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	Trên 3 năm	1.096.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại & Xây dựng Minh Khôi	367.017.470	-	Trên 3 năm	367.017.470	-	Trên 3 năm
			Từ 2 năm đến trên 3 năm			Từ 1 năm đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	826.912.662	9.690.938		826.912.662	19.710.700	
Cộng	2.289.930.132	9.690.938		2.289.930.132	19.710.700	

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	7.640.492.533	(36.501.117)		7.783.313.681	(36.501.117)	
Công cụ, dụng cụ	704.943.113	-		825.294.792	-	
Bán thành phẩm	567.523.721	-		594.722.824	-	
Thành phẩm	14.341.621.671	(22.117.959)		11.461.769.701	(29.016.183)	
Hàng hóa	74.935.300	-		674.008	-	
Cộng	23.329.516.338	(58.619.076)		20.665.775.006	(65.517.300)	

Giá trị hàng tồn kho tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	7.953.820.577	15.996.646.457	7.620.555.554	172.760.545	31.743.783.133
Mua trong năm	-	82.823.000	-	-	82.823.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(412.528.054)	-	-	(412.528.054)
Tại ngày 31/12/2025	7.953.820.577	15.666.941.403	7.620.555.554	172.760.545	31.414.078.079
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	7.953.820.577	15.303.575.805	7.172.468.710	147.973.045	30.577.838.137
Khấu hao trong năm	-	273.032.574	190.070.887	13.500.000	476.603.461
Thanh lý, nhượng bán	-	(412.528.054)	-	-	(412.528.054)
Tại ngày 31/12/2025	7.953.820.577	15.164.080.325	7.362.539.597	161.473.045	30.641.913.544
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	-	693.070.652	448.086.844	24.787.500	1.165.944.996
Tại ngày 31/12/2025	-	502.861.078	258.015.957	11.287.500	772.164.535

Nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 4.983.378.447 VND và 0 VND – Xem thêm Mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý là 9.885.079.711 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.039.614.582 VND.

1024-
CÔNG TY
PHẦN
SỐN
NG N
ĐƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thuế đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai với thời hạn thuế từ 06/06/2022 đến 31/05/2065.

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
Công ty TNHH Khai thác Sản xuất Thương mại và Vận tải Đá Trắng Phải trả cho các đối tượng khác (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	2.199.305.110	2.199.305.110	1.763.047.188	1.763.047.188
	19.197.209.622	19.197.209.622	15.611.278.814	15.611.278.814
	21.396.514.732	21.396.514.732	17.374.326.002	17.374.326.002

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (*)	-	-	4.087.395.886	4.618.496.523	-	531.100.637
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	473.966.470	473.966.470	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	258.757.888	-	2.180.276.826	2.586.974.558	-	147.939.844
Thuế thu nhập cá nhân	-	127.865.941	519.892.281	537.933.399	-	145.907.059
Các loại thuế khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	188.409.170	188.409.170	-	-
Cộng	258.757.888	127.865.941	7.453.440.633	8.409.280.120	-	824.947.540

(*) Trong đó, thuế giá trị gia tăng đầu ra được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	10.390.120.202	6.302.724.316	4.618.496.523	531.100.637

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và lương tháng 13 năm 2025 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	10.364.465.873	10.364.465.873	31.143.088.667	34.253.391.683	13.474.768.889	13.474.768.889

Đây là khoản vay ngắn hạn bằng VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn vay không quá 06 tháng, hạn mức tín dụng 30 tỷ VND và lãi suất theo từng giấy nhận nợ từ 7,3% - 7,5%/năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, được thể chấp bằng các tài sản đảm bảo sau:

- Quyền đối với khoản phải thu đã và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai với giá trị tối thiểu 15 tỷ VND – Xem thêm Mục 4.2;
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho với mức duy trì tối thiểu 15 tỷ VND – Xem thêm Mục 4.4;
- Tài sản cố định hữu hình có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 4.983.378.447 VND và 0 VND – Xem thêm Mục 4.5.

4.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tại ngày 01/01	4.003.158.936	5.673.105.001
Trích lập trong năm	1.337.663.945	1.665.990.695
Thu khác	24.288.000	7.615.000
Sử dụng trong năm	(2.182.866.250)	(3.343.551.760)
Tại ngày 31/12	3.182.244.631	4.003.158.936

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển (“ĐTPT”) VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	30.364.360.000	6.587.580.230	1.518.200.000	25.836.123.906	64.306.264.136
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.849.948.307	8.849.948.307
Trích bổ sung quỹ ĐTPT năm 2023	-	12.470.297.100	-	(12.470.297.100)	-
Trích quỹ ĐTPT năm 2024	-	2.212.487.077	-	(2.212.487.077)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	-	-	(1.665.990.695)	(1.665.990.695)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(4.554.654.000)	(4.554.654.000)
Tại ngày 01/01/2025	30.364.360.000	21.270.364.407	1.518.200.000	13.782.643.341	66.935.567.748
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.687.021.923	6.687.021.923
Tạm trích quỹ ĐTPT năm 2025 (*)	-	1.671.755.481	-	(1.671.755.481)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 (*)	-	-	-	(1.337.663.945)	(1.337.663.945)
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	(5.465.584.800)	(5.465.584.800)
Tại ngày 31/12/2025	30.364.360.000	22.942.119.888	1.518.200.000	11.994.661.038	66.819.340.926

(*) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024 và tạm trích lập các quỹ năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2025 ngày 18 tháng 04 năm 2025.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	9.110.880.000	9.110.880.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex	3.303.800.000	3.303.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	17.949.680.000	17.949.680.000
Cộng	30.364.360.000	30.364.360.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.036.436	3.036.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.036.436	3.036.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.036.436	3.036.436

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.687.021.923	8.849.948.307
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(1.337.663.945)	(1.665.990.695)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.349.357.978	7.183.957.612
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.036.436	3.036.436
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.762	2.366

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là số tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2025 ngày 18 tháng 04 năm 2025.

4.12.5. Cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	5.465.584.800	4.554.654.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông (*)	(5.465.584.800)	(4.554.654.000)
Số dư cuối năm	-	-

(*) Trong đó, cổ tức đã trả cho các bên liên quan –
Xem thêm Mục 8

(1.956.340.800)	(1.630.584.000)
-----------------	-----------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2025	21.270.364.407	1.518.200.000
Trích trong năm	1.671.755.481	-
Tại ngày 31/12/2025	22.942.119.888	1.518.200.000

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản thuê ngoài:		
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	5.847.090.878	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	4.498.127.312	686.252.061
Trên 5 năm	-	2.607.757.832
Cộng	10.345.218.190	3.577.963.821
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND

Nợ khó đòi đã xử lý:

Xóa sổ theo Nghị quyết HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750
---	---------------	---------------

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	93.730.994.959	96.432.342.903
Doanh thu gia công sơn	23.483.437.782	28.044.010.882
Cộng	117.214.432.741	124.476.353.785
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	477.404.150	12.121.850

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	4.142.999.938	4.287.951.045
Giảm giá hàng bán	11.465.355	-
Hàng bán bị trả lại	742.884.507	540.431.200
Cộng	4.897.349.800	4.828.382.245

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng	63.799.575.642	64.157.649.313
Giá vốn gia công sơn	17.696.751.523	20.569.025.905
Cộng	81.496.327.165	84.726.675.218

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thanh toán	3.075.552.328	3.282.241.695
Lãi tiền vay	1.019.309.102	1.054.595.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.455.335	30.141.407
Dự phòng tổn thất đầu tư	13.870.431	103.952.457
Cộng	4.144.187.196	4.470.930.992

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	1.127.502.284	1.153.328.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.776.181	70.400.796
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.019.748.870	4.234.829.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.196.154	516.963.719
Chi phí bằng tiền khác	2.609.201.483	2.484.822.938
Cộng	6.418.424.972	8.460.346.058

Chi phí bán hàng năm nay giảm khoảng 24% so với năm trước chủ yếu do Công ty thu hẹp quy mô các hoạt động xúc tiến thương mại, bao gồm khuyến mãi và quảng cáo.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	5.581.523.240	6.257.651.563
Chi phí vật liệu quản lý	506.363.927	557.623.616
Chi phí đồ dùng văn phòng	171.128.036	112.243.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	190.633.587	278.573.878
Thuế, phí và lệ phí	145.588.807	98.860.439
Chi phí sử dụng hạ tầng	1.517.618.453	3.220.514.333
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.019.762	98.053.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.836.670	571.867.115
Chi phí bằng tiền khác	4.836.006.372	3.113.235.011
Cộng	13.428.718.854	14.308.622.310

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	2.529.718.367	3.169.204.884
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	420.938.737	616.252.780
Thu nhập khác	184.844.142	238.870.674
Cộng	3.135.501.246	4.024.328.338

Thu nhập khác năm nay giảm khoảng 22% so với năm trước chủ yếu do thu nhập từ cho thuê và quản lý kho giảm vì khách hàng thay đổi nhu cầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.770.194.013	54.947.078.066
Chi phí nhân công	24.223.450.654	27.523.405.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.603.461	692.121.772
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.019.762	98.053.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.125.507.530	13.529.006.807
Chi phí khác bằng tiền	7.590.348.438	8.939.032.721
Cộng	104.196.123.858	105.728.697.753

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.869.953.436	2.306.492.106
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	310.323.390	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.180.276.826	2.306.492.106

(*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.000.983.934	11.156.440.413
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.462.209.170	789.446.044
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.113.425.926)	(413.425.926)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	9.349.767.178	11.532.460.531
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.869.953.436	2.306.492.106
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.869.953.436	2.306.492.106

Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	31.143.088.667	37.047.284.257

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(34.253.391.683)	(35.619.021.237)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại;
- Gia công sơn.

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu thuần						
Từ khách hàng bên ngoài	88.833.645.159	91.603.960.658	23.483.437.782	28.044.010.882	112.317.082.941	119.647.971.540
Cộng	88.833.645.159	91.603.960.658	23.483.437.782	28.044.010.882	112.317.082.941	119.647.971.540
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	7.663.518.301	7.636.018.819	3.310.093.649	4.516.309.135	10.973.611.950	12.152.327.954
Thu nhập tài chính					6.616.791	33.394.909
Chi phí tài chính					(4.144.187.196)	(4.470.930.992)
Thu nhập khác					3.135.501.246	4.024.328.338
Chi phí khác					(970.558.857)	(582.679.796)
Lợi nhuận trước thuế					9.000.983.934	11.156.440.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.180.276.826)	(2.306.492.106)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(133.685.185)	-
Lợi nhuận sau thuế					6.687.021.923	8.849.948.307

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản của bộ phận	41.010.915.399	42.771.604.726	4.296.512.582	6.122.027.377	45.307.427.981	48.893.632.103
Tài sản không phân bổ					60.840.679.157	60.439.125.602
Tổng tài sản					106.148.107.138	109.332.757.705

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ phải trả của bộ phận	32.273.486.152	31.065.172.551	-	-	32.273.486.152	31.065.172.551
Nợ phải trả không phân bổ					7.055.280.060	11.332.017.406
Tổng nợ phải trả					39.328.766.212	42.397.189.957

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí mua sắm tài sản	82.823.000	424.772.144	-	-	82.823.000	424.772.144
Chi phí khấu hao	427.920.285	504.564.635	48.683.176	187.557.137	476.603.461	692.121.772

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý thành một khoản mục riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi | Công ty trong cùng tập đoàn |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | Công ty trong cùng tập đoàn |
| 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | Công ty trong cùng tập đoàn |
| 5. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | Công ty trong cùng tập đoàn |
| 6. Công ty TNHH Phương Đông | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt |
| 7. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGD), Ban Kiểm soát và nhân sự quản lý khác | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Phương Đông	477.404.150	12.121.850
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	207.427.664	240.466.263
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	113.678.500	108.420.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	38.640.000	46.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	33.058.356	29.147.479
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	2.173.500	-
Cộng	394.978.020	424.033.742
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức đã trả:		
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	1.639.958.400	1.366.632.000
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	14.400.000	12.000.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	23.760.000	19.800.000
Ông Đào Đình Đề	268.502.400	227.052.000
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	6.120.000	5.100.000
Bà Bùi Thị Thuý Liên	3.600.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.12.5	1.956.340.800	1.630.584.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 6, khu công nghiệp Hồ Nai, phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyền	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD	512.451.000	590.245.000
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	571.662.000	634.547.000
Ông Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	87.592.000	113.992.000
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	87.592.000	113.992.000
Bà Đậu Khánh Phương	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	56.661.000	-
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)	30.931.000	113.992.000
Ông Phạm Quốc Việt	Phó TGD (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	250.561.000	-
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó TGD (miễn nhiệm ngày 01/05/2025)	143.804.000	433.389.000
Bà Nguyễn Thị Chung	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 18/04/2025)	56.661.000	-
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 18/04/2025)	30.931.000	113.992.000
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	177.784.000	64.996.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	45.846.000	64.996.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	354.742.000	343.741.000
Cộng		2.407.218.000	2.522.886.000

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 02 năm, với tiền thuê cố định mỗi năm:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.291.049.685	238.616.850
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	5.847.090.878	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	4.498.127.312	686.252.061
Trên 5 năm	-	2.607.757.832
Cộng	10.345.218.190	3.577.963.821

Các khoản cam kết phải trả theo các hợp đồng thuê tăng mạnh tại thời điểm 31/12/2025 chủ yếu do chi phí thuê nhà xưởng tại địa điểm mới tăng cao từ việc di dời nhà máy - Xem thêm Mục 1.6.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt Hà
Người lập

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2026